

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2017/DS-ST

Ngày 11/7/2017

“V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng giữa Ngân hàng Đ
với chị T và anh L”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Đăng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lâm Giang
Ông Nguyễn Quốc Sửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan Phương, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: ông
Dương Đức Thắng, Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 87/2016/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2016 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2017/QĐST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2017, quyết định hoãn phiên tòa số 47/2017/QĐST ngày 29/6/2017 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ

Địa chỉ: số 1 P, quận P, thành phố H;

Do ông Dương Văn H - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng TMCP Đ tại T, Bắc Giang đại diện theo ủy quyền (có mặt)

* Bị đơn: - Chị Dương Thị T - sinh năm 1991 (vắng mặt)

- Anh Phạm Thành L - sinh năm 1983 (vắng mặt)

Điều cư trú: thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 26 tháng 11 năm 2016, bản tự khai ngày 04/01/2017 và các lời khai tiếp theo, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Dương Văn H trình bày:

Ngày 24/01/2015, Phòng Giao dịch huyện T thuộc Chi nhánh tỉnh Bắc Giang của Ngân hàng TMCP Đ đã ký hợp đồng vay vốn số

0135705801T15004 với chị Dương Thị T với nội dung như sau: Số tiền vay (vốn gốc): 20.000.000 đồng, lãi suất: 8,5%/năm, tính trên dư nợ ban đầu, thời hạn vay: 12 tháng (từ ngày 24/01/2015 đến 23/01/2016), mục đích vay: Bổ sung vốn chăn nuôi (thông qua hội phụ nữ), biện pháp đảm bảo cho khoản vay: Tín chấp thông qua tổ chức hội phụ nữ xã N. Đến thời hạn trả nợ vay (lãi vay) hàng tháng và hết kỳ hạn là 23/01/2016 chị Dương Thị T vẫn không thanh toán cho ngân hàng theo như cam kết trong hợp đồng.

Tính đến ngày 26/11/2016 dư nợ của chị T theo hợp đồng vay là: Dư nợ gốc: 6.997.934 đồng, lãi trong hạn phải trả: 679.297 đồng, lãi quá hạn (tạm tính đến 26/11/2016) là: 231.506 đồng, tổng cộng: 7.908.737 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu chị T và anh L thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi vay tính đến ngày 26/11/2016 là: 7.908.737 đồng. Số tiền lãi quá hạn sẽ được tiếp tục tính lãi suất với mức 12,75%/năm kể từ khi quá hạn cho đến ngày chị T anh L thanh toán đầy đủ nợ và lãi vay.

Tại phiên toà: ông H trình bày, ngày 20/6/2017 chị T đã trả được 5.500.000 đồng. Nay ông rút một phần yêu cầu khởi kiện ban đầu. Ông yêu cầu chị T, anh L phải trả cho ngân hàng số tiền còn lại là 2.932.352 đồng, vợ chồng chị T còn phải trả lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng là 12,75%/tháng trên số tiền chưa trả đến khi trả xong.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/5/2017, bị đơn là anh Phạm Thành L trình bày:

Anh thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng Đ phòng giao dịch tại T với số tiền 20.000.000 đồng, thời điểm vay thì anh không nhớ chính xác nhưng vào khoảng đầu năm 2015, lãi suất 8,5%/năm, thời hạn 12 tháng, mục đích vợ chồng anh chị vay tiền là để làm vốn chăn nuôi. Khi vay có lập hợp đồng với Ngân hàng Đ. Sau khi vay vợ chồng anh chị đã trả được một số nợ gốc và lãi cho ngân hàng (mỗi tháng trả 1.810.000 đồng nhưng không nhớ đã trả đến tháng nào). Khi trả thì chị Giáp Thị L là người đến thu tiền tại nhà anh chị nhưng khi thu nộp tiền không ký giấy tờ gì mà chỉ đưa tay với nhau.

Nay Ngân hàng yêu cầu anh chị thanh toán toàn bộ số tiền gốc còn nợ là 6.997.934 đồng và tiền lãi thì anh đồng ý trả nhưng phải trừ đi số tiền 1.810.000 đồng mà anh đã nộp gốc và lãi cho chị L mà chị L không nộp cho ngân hàng.

Việc anh trả gốc và lãi hàng tháng cho chị L thì không ký giấy tờ gì nên anh không có tài liệu gì chứng minh cho việc trả tiền nói trên.

Số tiền vay 20.000.000 triệu của Ngân hàng Đ thì anh sử dụng vào việc cá nhân, chị T không sử dụng số tiền trên nên anh sẽ có trách nhiệm cá nhân trả cho ngân hàng.

Tại phiên toà: anh L vắng mặt.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/5/2017, bị đơn là chị Dương Thị T trình bày:

Chị thừa nhận tháng 01 năm 2015 vợ chồng chị có ký hợp đồng vay tiền của Ngân hàng Đ phòng giao dịch tại T với số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, lãi suất 8,5%/năm, trả tiền hàng tháng với số tiền 1.810.000 đồng, mục đích vay để bổ sung vốn chăn nuôi. Hợp đồng vay do chị Giáp Thị L là người làm công tác phụ nữ tại xã N và tổ vay vốn của Ngân hàng Đ mang đến cho vợ chồng anh chị ký. Sau khi ký xong hợp đồng thì vài ngày sau chị đến Ngân hàng Đ Phòng giao dịch huyện T để nhận số tiền 20.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền chị đưa toàn bộ số tiền cho anh L, còn anh L sử dụng vào việc gì thì chị không được biết. Việc trả lãi cho ngân hàng do anh L trả, chị không rõ trả cho ai, bao nhiêu và khi nào. Đến tháng 9 năm 2015 thì chị nghe anh L nói đã trả cho chị L tiền gốc và lãi mỗi tháng 1.810.000 đồng nhưng tháng này thì chị L chưa nộp lại cho ngân hàng. Tháng 10/2016 anh L có nói lại đã nộp thêm 1 tháng tiền gốc và lãi cho ngân hàng nữa. Sau đó do chị L không nộp lại tiền tháng 9 nên ngân hàng tiếp tục đòi, vợ chồng anh chị bức xúc nên không trả thêm khoản nào nữa.

Nay chị xác định vợ chồng chị còn nợ Ngân hàng Đ tiền gốc và lãi 3 tháng là tháng 11, 12 năm 2015 và tháng 01 năm 2016 mỗi tháng 1.810.000 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu anh chị thanh toán toàn bộ số tiền gốc còn nợ là 6.997.934 đồng và tiền lãi thì chị chỉ đồng ý trả 5.430.000 đồng (là tiền 3 tháng x 1.810.000 đồng) và tiền lãi phát sinh do chậm trả. Còn 1.810.000 đồng tiền gốc và lãi tháng 9/2016 đã đưa cho bà Lương chị không đồng ý trả. Anh L đã nhận trách nhiệm cá nhân trả thì chị đồng ý và nếu anh L không trả được thì chị sẽ có trách nhiệm trả cùng anh L.

Tại phiên tòa: chị T vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện T phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đều thực hiện

đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến đề nghị của các đương sự. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Ngày 24/01/2015, Phòng Giao dịch huyện T của thuộc Chi nhánh tỉnh Bắc Giang của Ngân hàng TMCP Đ (gọi là bên ngân hàng) đã cho chị Dương Thị T ở thôn C, xã N, huyện T vay vốn chăn nuôi với số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng nhưng đến ngày 26/11/2016 anh chị vẫn còn nợ ngân hàng 7.908.737 đồng nên ngân hàng khởi kiện. Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý giải vụ án theo thủ tục tố tụng dân sự là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiền hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định. Đối với chị Giáp Thị L, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đưa chị L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nhưng qua lấy lời khai, đối chất... không có căn cứ xác định chị L đã nhận tiền trả nợ của anh L nên HĐXX không xác định chị L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án nữa. Tại phiên toà, anh L, chị T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận, ngày 24/01/2015, Phòng Giao dịch huyện T của thuộc Chi nhánh tỉnh Bắc Giang của Ngân hàng TMCP Đ đã ký hợp đồng vay vốn số 0135705801T15004 với chị Dương Thị T. Theo hợp đồng thì chị T anh L được ngân hàng cho vay 20.000.000 đồng với mục đích vay là bổ sung vốn chăn nuôi, lãi suất thỏa thuận là 8,5%/năm, thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 24/01/2015 đến 23/01/2016); Vay vốn dưới hình thức tín chấp thông qua tổ chức hội phụ nữ xã N. Để thực hiện hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân số tiền 20.000.000 đồng cho chị T nhưng đến thời hạn trả nợ 23/01/2016 chị Dương Thị T vẫn không thanh toán cho ngân hàng theo như cam kết trong hợp đồng mà còn nợ số tiền gốc và lãi vay tính đến ngày 26/11/2016 là 7.908.737 đồng. Sau đó chị T cũng không trả được nợ dẫn đến phía ngân hàng khởi kiện ra Tòa án yêu cầu buộc chị T phải trả nợ. Như vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Xét yêu cầu của Ngân hàng, HĐXX thấy: chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của người vay đối với Ngân hàng. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở thanh toán số tiền đã vay của Ngân hàng nhưng chị T không trả nợ, vi phạm thời hạn, nghĩa vụ trả nợ theo cam kết của hợp đồng. Đến ngày 20/6/2017, chị T đã trả thêm 5.500.000đ là tiền còn nợ 3 tháng (tháng 11, 12/2015 và tháng 01/2016). Còn lại đến phiên tòa hôm nay, chị T còn nợ Ngân hàng 2.932.352 đồng. Mặc dù vợ chồng chị T không trả khoản tiền này vì cho rằng tháng 9/2015, anh L đã trả chị Giáp Thị L là Tổ trưởng tổ vay vốn 1.810.000 đồng nhưng anh L thừa nhận khi trả không lập văn bản, chị L phủ nhận việc nhận tiền trả của anh L mà chỉ thừa nhận trong quá trình thực hiện hợp đồng chỉ nhận tiền trả của anh L qua chị Hoắc Thị H, chị H cũng không nhớ đã trả cho chị L những khoản tiền gì, trả khi nào nên không có căn cứ chấp nhận việc anh L đã trả 1.810.000 đồng cho chị L vào tháng 9/2015.

Do vậy, Ngân hàng yêu cầu chị T anh L có trách nhiệm trả số nợ tính đến ngày 11/7/2016 bao gồm: nợ gốc 2.913.777 đồng, lãi là 18.575 đồng và tiếp tục phải chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 0135705801T15004 ngày 24/01/2015 kể từ ngày 12/7/2017 cho đến khi trả xong số nợ trên là hoàn toàn có căn cứ và được chấp nhận theo quy định tại khoản 1, 5 Điều 474 BLDS.

3. Về trách nhiệm trả nợ: Chị T và anh L là vợ chồng hợp pháp, chị T vay tiền nhằm mục đích chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình, khi chị T đứng ra vay tiền thì anh L có ký nhận là người bảo lãnh khoản vay. Nay ngân hàng yêu cầu cả hai anh chị phải trả số tiền nợ còn lại là có căn cứ chấp nhận. Cần buộc chị T anh L phải liên đới trả nợ cho ngân hàng chứ không buộc một mình anh L phải trả nợ như anh chị đã đề nghị.

4. Về án phí: Chị T và anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 471, khoản 1, 5 Điều 474, khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005

Điều 30, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đối với chị Dương Thị T và anh Phạm Thành L.

Buộc chị Dương Thị T và anh Phạm Thành L phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Phòng giao dịch huyện T, tỉnh Bắc Giang số

tiền 2.932.352 đồng (hai triệu chín trăm ba mươi hai nghìn ba trăm năm mươi hai đồng) tính đến ngày 11/7/2017.

Chị Dương Thị T và anh Phạm Thành L tiếp tục phải chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 0135705801T15004 ngày 24/01/2015 kể từ ngày 12/7/2017 cho đến khi trả xong số nợ trên.

2. Án phí: chị Dương Thị T và anh Phạm Thành L phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP Đ - Phòng giao dịch huyện T, tỉnh Bắc Giang số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2015/0001214 ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thế Đăng